

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2019

V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung,
chia công sức đóng góp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung và chia công sức đóng góp”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1975 (có mặt)

2- Bị đơn: Anh Phạm Phú Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Tổ 6, Khu Phố 6, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 6 năm 2018, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Năm 2007 chị và anh Phạm Phú Q yêu thương nhau, trước khi ở với anh Q thì trước đó chị sống chung như vợ chồng với anh Huỳnh Văn L và có 01 người con với anh L, sau đó chị và anh L tự ly hôn với nhau năm 1997. Cho đến năm 2007 chị D và anh

Quốc sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trước khi sống với chị D anh Q đã có đời vợ nhưng cũng không kết hôn, anh Q và vợ anh Q tự ly hôn nhau sau đó thì anh Q về sống chung với chị D.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống không hạnh phúc, năm 2008 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Lý do, anh Q thường xuyên kiểm chuyện chửi con riêng chị, chị nói thì anh Q giận bỏ nhà đi, sự việc anh Q kiểm chuyện với con riêng đã nhiều lần, mỗi lần can thiệp thì chị D và anh Q mâu thuẫn nhau, chị D bỏ nhà đi nhưng sau đó anh Q năn nỉ về ở. Vào cuối năm 2018, thì chị D với anh Q mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền nhà nước bồi thường đất, chị hỏi xin anh Q vài chục triệu để nuôi con nhưng anh Q không đồng ý mà còn mắng chửi thậm tệ, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhiều lần và sau đó thì đuổi mẹ con chị D ra khỏi nhà.

Nay xét thấy, hiện không còn tình cảm với anh Q, không thể tiếp tục sống chung với anh Q, nếu sống chung cũng không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Do đó, chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Q, do không đăng ký kết hôn thì yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Quá trình sống chung không tạo dựng được tài sản chung, trước khi chung sống với nhau thì cha mẹ anh Q cho anh Q 01 phần đất ngang 14m x dài 43m, trên đất có căn nhà tạm, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Q đứng tên chủ sử dụng đất, tại khu phố 6, thị trấn AT. Năm 2018 anh Q tự chuyển nhượng cho người khác chiều ngang 8m, chỉ còn lại 6m ngang x dài 43m, là căn nhà hiện tại anh Q đang ở.

Chị D chỉ nội trợ trong gia đình và nuôi con, anh Q thì chạy xe ôm, căn nhà cấp 4 hiện tại do chuyển nhượng đất lấy tiền sửa chữa lại nhà mới thực, tể vợ chồng chung sống không tạo dựng được tài sản chung để tu bổ vào tài sản riêng của anh Q. Khi anh Q bán được đất hơn 03 tỷ thì anh Q có nhờ chị Dâu tên Huỳnh Kim A mua đất ở Cửa Cạn dùm, nghe nói 01 công giá 650.000.000 đồng, nhưng không biết đất ở cụ thể vị trí nào, thỏa thuận hùn mua đất giữa anh Q với chị Kim A.

Hiện anh Q cũng chạy xe ôm và chở đồ thuê cho các chủ cơ sở mua bán tại chợ AT, thu nhập không ổn định, bình quân khoản 6.000.000 đ/tháng, anh Q bán được đất có gửi tiết kiệm số tiền 2.000.000.000 đồng, háng tháng anh Q tự rút lãi trên 10.000.000 đồng và chi tiêu riêng. Hiện chị D đi giữ trẻ cho người khác, khi anh Q đuổi đi thì mẹ con chị D ra nhà trọ ở, sau đó em trai chị D thấy vậy mới kêu mẹ

con chị về cho ở nhờ. Chị và anh Q sống chung cam kết không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng. Vợ chồng sống chung sinh được 01 người con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 24-6-2008, hiện chị D đang nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay chị D yêu cầu cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Không công nhận Chị và anh Phạm Phú Q là vợ chồng.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Yêu cầu được nuôi dưỡng con, buộc anh Phạm Phú Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tên A đủ 18 tuổi, có thể tự lập.

Về tài sản chung và nợ: Xin rút lại yêu cầu anh Q chia công sức đóng góp số tiền 600.000.000 đồng, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung. Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ. Ngoài ra chị D không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Phú Quốc trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị D trình bày là đúng, các bên chung sống không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống với nhau vợ chồng không được hạnh phúc, anh Q không xúc phạm danh dự nhân phẩm chị D, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì chị D bỏ nhà đi. Đầu năm 2018 phát hiện chị D chơi số đề, anh Q gây la thì D lấy đồ đạc các nhân đi ra ngoài sinh sống cho đến nay. Hiện nay anh Q không còn tình cảm với chị D, và không thể tiếp tục sống chung với nhau, nếu sống chung cũng không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Do đó, chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Q đồng ý.

Anh và chị D sống chung không tạo dựng được tài sản chung, trước khi sống với chị D thì cha mẹ ruột anh Quốc cho tặng riêng anh Quốc 01 phần đất ngang 14m x dài 43m, trên đất có căn nhà tạm, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Q đứng tên chủ sử dụng đất, tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn AT. Năm 2018 tự chuyển nhượng cho người khác chiều ngang 8m, chỉ còn lại 6m ngang x dài 43m, hiện nay là căn nhà anh Q đang ở. Quá trình chung sống chị D chỉ nội trợ trong gia đình và nuôi con, còn anh Q thì chạy xe ôm, chở đồ thuê để vợ chồng kiếm sống qua ngày.

Căn nhà cấp 4 hiện tại do chuyển nhượng đất của cha mẹ cho riêng anh Q để lấy tiền sửa chữa lại nhà mới chứ vợ chồng chung sống với nhau không tạo dựng được tài sản chung để tu bổ vào tài sản riêng của anh Q mà còn làm hao hụt tài sản riêng của anh Q. Hiện tại anh Q cũng chạy xe ôm và chở đồ thuê cho các chủ cơ sở

mua bán tại chợ AT, thu nhập không ổn định, bình quân khoảng 9.000.000 đ/tháng, chưa trừ chi phí cá nhân.

Theo chị D cho rằng anh Q có sổ tiết kiệm tại Ngân hàng KL là không đúng, trước đây có gửi nhưng nay đã rút lại để làm nhà ở và chi xài trong gia đình. Chị D đi trông con cho người khác, thu nhập như thế nào anh Q không biết. Cam kết vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ. Anh Q và chị D sống chung sinh được 01 người con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 24-6-2008, hiện chị D đang nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa anh Q yêu cầu cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị D và yêu cầu Tòa án không công nhận anh Q và chị D là vợ chồng.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Q đồng ý giao con tên Phạm Thị Thúy A, sinh năm 2008 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý nâng mức cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, có thể tự lập và tự nguyện hỗ trợ cho chị D số tiền 150.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Không đồng ý chia cho chị D hưởng 600.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vì chị D không có công sức gì để tái tạo, tu bổ vào tài sản riêng mà cha mẹ anh Q đã cho riêng. Tại Tòa chị D rút lại yêu cầu này, anh Q đồng ý. Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Q không yêu cầu gì khác.

* Cháu Phạm Thị Thúy A ý kiến thể hiện nguyện vọng như sau: Cháu là con đẻ của anh Phạm Phú Q và mẹ là chị Nguyễn Thị Hồng D. Nguyện vọng của cháu là khi cha mẹ cháu ly hôn cháu xin được sống với mẹ, đây là nguyện vọng chính đáng của cháu, không ai ép buộc cháu A ở chung với cha hay với mẹ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Hồng D và anh Phạm Phú Q chung sống với nhau năm 2007 đến nay không đăng ký kết hôn. Đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều

14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Phú Q là vợ chồng.

Về tài sản và nợ: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng D xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia công sức đóng góp là hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ yêu cầu này, về nợ không yêu cầu nên đề nghị miễn xét. Tại Tòa án Q tự nguyện hỗ trợ cho chị D số tiền 150.000.000 đồng, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng: Cháu Phạm Thị Thúy A có nguyện vọng sống chung với chị D, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo nguyện vọng của cháu A, giao cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận việc anh Q tự nguyện nâng mức cấp dưỡng cho cháu A lên 3.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu A đủ 18 tuổi, có thể tự lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Kim A (Nguyễn Ngọc A) tại đơn kiện được chị D đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, khi giải quyết vụ án chị Ngọc A có lời khai từ chối tham gia tố tụng và việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ của chị Ngọc A. Do đó, Tòa án không tiếp tục đưa chị Ngọc A tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q chung với nhau như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, các bên xác định không thể duy trì quan hệ hôn nhân, đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét thấy, chị D và anh Q chung sống vào năm 2007 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị D và anh Q là vợ chồng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Phạm Phú Q xác định quá trình sống chung không tạo dựng được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết vấn đề tài sản. Tuy nhiên chị D có yêu cầu anh Q chia công sức đóng góp số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị D có yêu cầu rút lại yêu cầu này. Việc rút yêu cầu chia công sức đóng góp của chị D đối với anh Q là tự nguyện phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 244 BLTTDS HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là phù hợp.

Tại phiên tòa anh Q đồng ý hỗ trợ cho chị D số tiền là 150.000.000 đồng để chị D ổn định cuộc sống, việc tự nguyện hỗ trợ số tiền trên của anh Q đối với chị D là tự nguyện phù hợp theo quy định của pháp luật HĐXX ghi nhận là phù hợp.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Phạm Phú Q cam kết không nợ ai, cũng không ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Phạm Phú Q sống chung sinh được 01 một người con chung là cháu Phạm Thị Thúy A, sinh năm 2008. Chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu A có nguyện vọng tự nguyện tiếp tục ở chung với chị D. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, HĐXX thống nhất giao cháu A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng D có yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Phạm Phú Q tự nguyện nâng mức cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu A đến tuổi trưởng thành, là phù hợp theo quy định của pháp luật. HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Diễm đã nộp là 14.600.000 đồng theo biên lai thu số 0002465, ngày 29-3-2019, chị D được nhận lại số tiền chênh lệch là 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Phú Q chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PQ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 147; 244; 266 BLTTDS năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9; 14; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Phú Q là vợ chồng.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao cháu Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 24-7-2008 cho chị Nguyễn Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Phú Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền đề nghị yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng D về chia công sức đóng góp số tiền 600.000.000 đồng đối với anh Phạm Phú Q.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Phú Q, hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng D và anh Phạm Phú Q cam kết không nợ ai cũng không ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 14.600.000 đồng theo biên lai thu số 0002465, ngày 29-3-2019, chị D được nhận lại số tiền chênh lệch

là 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Phú Q chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PQ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện PQ;
- T.H.A DS huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Kiệt